

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2025
“Về việc Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm;

2. Bà Tô Thị Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Định hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Hoàng Thị T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị và Nguyễn Văn Chung kết H vào ngày 15/01/2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa

phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh C làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà chồng một năm thì ra ăn ở riêng trên đất của bố mẹ chồng cho. Vợ chồng chung sống có thời gian dài hòa thuận hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra bắt đầu từ năm 2018, nguyên nhân là do trong cách ăn ở, sinh hoạt và cách chăm sóc con cái, bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, anh C không quan tâm đến vợ con, không chịu làm ăn lại còn thường xuyên uống rượu rồi về chửi mắng chị, nhiều lần chị đã phải nhờ đến sự can thiệp của thôn xóm. Năm 2020 anh C đã bị Công an xã L lập hồ sơ và đưa đi cơ sở giáo dục một năm. Sau khi chấp hành xong việc giáo dục trở về anh C cũng thay đổi bản thân nhưng chỉ được khoảng 06 tháng thì lại bắt đầu uống rượu và đánh vợ con. Tháng 9/2023 chị đi Hà Nội làm thuê, vợ chồng sống ly thân từ đó và không quan tâm gì đến nhau, ngày lễ tết chị cũng không về nhà mà về nhà bố mẹ đẻ ở. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin ly hôn anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 26/7/2002, Nguyễn Thị G, sinh ngày 11/12/2003 và Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 03/11/2014, hiện cháu H1, cháu G đã trưởng thành, lao động tự túc được. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T1 đang ở cùng bố, học lớp 5 Trường Tiểu học L2. Ly hôn chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 03/11/2014 cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được và không yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về khoản cho vay chung, khoản nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn C:*

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh C vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh C khai: Về thời gian tổ chức lễ cưới, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân anh C xác định như chị T trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai là đúng anh không có gì phải bổ sung thêm. Anh và chị T kết hôn ngày 15/01/2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, trước khi tổ chức lễ cưới anh, chị được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà chồng một năm thì ra ăn ở riêng. Trong quá trình chung sống vợ chồng vợ chồng hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, năm 2023 chị T đi làm công nhân và không chung thủy dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, đến nay chị T xin ly hôn anh không nhất trí vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn

chị T rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung. Hiện nay anh C bận đi làm ăn nên không có thời gian đến Tòa án để tiếp tục giải quyết vụ án, vì vậy anh đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

- Về con chung: Vợ chồng có con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 26/7/2002, Nguyễn Thị G, sinh ngày 11/12/2003 và Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 03/11/2014, hiện cháu H1, cháu G đã trưởng thành, lao động tự túc được, cháu T1 đang ở cùng anh và học lớp 5 tại trường Tiểu học L2. Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh C xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về khoản cho vay chung, khoản nợ chung: Anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc cấp giao tổng đạt văn bản tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh C đã có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp, cận công khai chứng cứ và hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh C đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T, cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 03/11/2014 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 26/7/2002, Nguyễn Thị G, sinh ngày 11/12/2003 đã trưởng thành, lao động tự túc được, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 03/11/2014 đối với anh C; Về tài sản chung chị T, anh C xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được do anh C không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn Chung kết H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T nhận thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian dài hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau và đã xảy ra xô sát, anh C không quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu, mãi chơi chị T đã khuyên can nhưng anh C không sửa đổi bản thân. Anh C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do từ năm 2023 chị T đi làm công nhân và không chung thủy, không về nhà, không quan tâm gì đến chồng con nữa. Giữa chị T, anh C đều đưa ra nhiều lý do, nguyên nhân cho mình, trên thực tế vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa, giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, ai cũng tìm công việc, cuộc sống riêng cho mình, ai cũng có lý do riêng về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, dẫn đến việc chị T xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã giành nhiều thời gian cho vợ chồng để hàn gắn tình cảm, Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian cho vợ chồng về đoàn tụ, đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh C không đến Tòa án để làm việc. Điều

đó cho thấy vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, đúng thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, chị T không rút đơn xin ly hôn mà cương quyết xin được ly hôn anh C. Căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị T cần được chấp nhận.

[4]. Về yêu cầu xin nuôi con chung của chị T, anh C xét thấy: Chị T và anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 26/7/2002, Nguyễn Thị G, sinh ngày 11/12/2003 và Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 03/11/2014, hiện nay cháu H1, cháu G đã trưởng thành còn cháu T1 hiện vẫn ở với cả bố và mẹ. Tuy nhiên, cháu T1 đã đủ tuổi theo quy định để thể hiện ý kiến ở với ai khi bố mẹ ly hôn và cháu T1 có nguyện vọng ở với mẹ. Xét yêu cầu xin được quyền nuôi con chung của chị T nhận thấy chị T, có nơi ở, có việc làm, có thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung được tốt nhất, đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt của con chung, việc giao cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với đúng thực tế, cần được chấp nhận.

[5]. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án đã giải thích đây là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ nhưng chị T tự nguyện không yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn C xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về khoản cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9; Điều 51, Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 03/11/2014 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh Nguyễn Văn C có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 26/7/2002, Nguyễn Thị G, sinh ngày 11/12/2003 đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, lao động tự túc được. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết về việc nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 03/11/2014: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C, do chị T tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn C xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về khoản cho vay chung, khoản nợ chung Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006334 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã Linh Thông (ĐKKH năm 2002);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã Lam Vỹ (ĐKKH số 01 ngày 12/5/2011);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 16 tháng 8 năm 2024.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Hồng K.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị T2;

2. Ông Phạm Đức T3

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lô Thị Á, sinh năm: 1990.

Nơi ĐKKHKT: Xóm V, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi tạm trú: Tổ dân phố T, phường Đ, Thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

2. *Bị đơn*: Anh Ma Văn T4, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Xóm V, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9; Điều 51, Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị Á được ly hôn anh Ma Văn T4.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về con chung: Giao cho chị Lô Thị Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Ma Bảo L, sinh ngày 15/02/2011 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh Ma Văn T4 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Ma Bảo L1, sinh ngày 10/11/2014 2011 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Chị Á, anh T4 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Á và anh T4, do chị Á, anh T4 tự nguyện không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung, khoản cho vay chung, khoản nợ chung Lô Thị Á và anh Ma Văn T4 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lô Thị Á phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006265 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Chị Á đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.... giờ ...phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tâm

Phạm Đức Tuế

Trần Thiện Hoàng